UBND TỈNH ĐẮK LẮK
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2018

Số: 10 /CV-HĐTNN
V/v triệu tập thí sinh dự thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk.

Căn cứ Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018; Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thay đổi Chủ tịch Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018; Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung danh sách thí sinh đủ điều kiện dự nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018;

Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên và tương đương năm 2018 (sau đây gọi tắt là Hội đồng thi) thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự kỳ thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên và tương đương năm 2018 (có danh sách kèm theo), cụ thể như sau:

1. Địa điểm, thời gian triệu tập:

a) Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk, số 349 Lê Duẩn, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột.

b) Thời gian thi:

- Ngày 23/3/2019 (Thứ bảy)

+ 7 giờ 30 phút: Khai mạc kỳ thi và phổ biến nội quy, quy chế kỳ thi theo quy định;

+ 8 giờ 30 phút: Thi môn Kiến thức chung, thi viết 120 phút.

+ 14 giờ 00 phút: Thi môn Chuyên môn nghiệp vụ, thi Trắc nghiệm 30 phút.

- Ngày 24/3/2019 (Chủ nhật)

+ 7 giờ 30 phút: Thi môn Tin học, thi Trắc nghiệm 30 phút.

+ 9 giờ 00 phút: Thi môn Ngoại ngữ, thi viết 60 phút.

2. Một số nội dung liên quan:

a) Đối với các cơ quan cử công chức dự thi:

- Đề nghị Quý cơ quan hướng dẫn và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công chức dự kỳ thi.

- Thông báo tới các công chức dự thi nếu sau khi thi phát hiện trường hợp nào không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi và điều kiện, tiêu chuẩn để miễn thi môn ngoại ngữ, tin học (văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định) sẽ hủy kết quả thi theo quy định. Vì vậy, yêu cầu các công chức tự rà soát và báo cáo với Hội đồng thi để kịp thời giải quyết, điều chỉnh trước khi thí sinh dự thi và bổ sung đăng ký dự thi môn ngoại ngữ, tin học (nếu có).

- Đề nghị các cơ quan, đơn vị và thí sinh dự thi đối chiếu, rà soát các thông tin cá nhân (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo). Trường hợp có thay đổi về thông tin của thí sinh dự thi, đề nghị cơ quan có văn bản đề nghị đính chính gửi về Hội đồng thi, thông qua Sở Nội vụ để xem xét, giải quyết.

- Quý Cơ quan, đơn vị nếu có số lượng công chức dự thi từ 02 người trở lên thì cử 01 công chức làm đại diện trong số công chức dự thi để thực hiện các thủ tục nộp lệ phí thi cho cả công chức của đơn vị và các thủ tục khác khi phát sinh.

Văn bản đề nghị đính chính và lệ phí được nộp tại Sở Nội vụ trước ngày **15/3/2019**. Sau thời hạn nêu trên Hội đồng thi sẽ không tiếp nhận và xử lý.

b) Đối với thí sinh dự thi:

- Trường hợp nào không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi và điều kiện, tiêu chuẩn miễn thi môn tin học, môn ngoại ngữ (văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định; thời gian tốt nghiệp thạc sỹ, tiến sỹ; chứng chỉ Bl, B2 và tương đương để được miễn thi môn ngoại ngữ phải do cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định) trường hợp phát hiện có sai phạm sẽ hủy kết quả thi theo quy định. Do đó, yêu cầu các thí sinh tự rà soát và báo cáo Hội đồng thi để kịp thời giải quyết, điều chỉnh trước khi thí sinh dự thi và có đơn đăng ký bổ sung thi môn ngoại ngữ, môn tin học (nếu có).

- Thí sinh mang theo giấy Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác theo quy định của pháp luật để làm thủ tục trước khi vào phòng thi.

c) Lệ phí dự thi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức viên chức, lệ phí dự thi là 600.000 đồng/người (sáu trăm nghìn đồng một người). Ngoài lệ phí nêu trên, thí sinh không phải nộp bất cứ một khoản lệ phí nào khác.

Mọi chi tiết liên hệ phòng Công chức viên chức, Sở Nội vụ, điện thoại: 02623.813.583.

Đề nghị Quý cơ quan sao chụp văn bản này gửi đến từng công chức dự thi để chủ động thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (b/c)
- Tổng cục Quản lý Thị trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Thị trường Đắk Lắk;
- Cổng thông tin của tỉnh;
- Lưu: VT, HĐTNN.

TM. HỘI ĐỒNG THI
KT. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

SỞ NỘI VỤ

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Miên Klơng

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2018

SỞ NỘI VỤ

DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC DỰ THI NÂNG NGẠCH LÊN NGẠCH KẾ TOÁN VIÊN NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Công văn số 10 /CV-HĐTNN ngày 07/ 3/2019 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2018)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Lê Thị Thu Hồng		1984	Kế toán Phòng Hành chính - Tổng hợp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
2	H'Nguyệt Niê		1986	Nhân viên Hạt kiểm lâm Buôn Ma Thuột, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
3	Lê Thị Thuý Hằng		1986	Nhân viên Đội KLCĐ&PCCCR số 1, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
4	Nguyễn Thị Biên Thuỳ		1988	Nhân viên Hạt kiểm lâm huyện Cư M'gar, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
5	Nguyễn Thị Thuỳ Tiên		1986	Nhân viên Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
6	H'Rê Mi Niê Siêng		1984	Nhân viên Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
7	Nguyễn Văn Hùng	1978		Kế toán Thanh tra huyện	UBND huyện Ea H'leo		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
8	Trần Thị Bích		1985	Nhân viên Đội KLCĐ&PCCCR số 3, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
9	Châu Thị Thúy Hằng		1980	Kế toán VPUBND &HĐND	UBND huyện Ea Kar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
10	Nguyễn Thị Hà		1985	Công chức phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Ủy ban nhân dân huyện M'Drắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
11	Phạm Thị Lan Hương		1983	KTV trung cấp phòng VHTT	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	X		Anh văn	Trung cấp Tin học
	Tổng cộng 11 trường hợp								

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2018

SỞ NỘI VỤ

DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC DỰ THI NÂNG NGẠCH LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Công văn số 10 /CV-HĐTNN ngày 07/ 3/2019 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2018)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Trần Thị Hiền		1978	Cán Sự Văn phòng Sở	Sở Giao thông vận tải		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
2	Hoàng Đức Nguyên	1984		Cán sự Thanh tra Sở	Sở Giao thông vận tải		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
3	Nguyễn Quý Lương	1968		Nhân viên Thanh tra Sở	Sở Giao thông vận tải			Anh văn	
4	Nguyễn Như Tuân	1980		Cán sự	Sở Giao thông vận tải		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
5	Trần Thanh Tú	1978		Cán sự Văn phòng Sở	Sở Xây dựng	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Cao đẳng Tin học
6	Nguyễn Thị Lê		1983	Cán Sự Văn phòng Sở	Sở Xây dựng		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
7	Lê Thanh Hiếu	1982		Cán sự Thanh tra Sở	Sở Xây dựng		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
8	Võ Đình Thi	1986		Cán sự	Sở Xây dựng			Anh văn	
9	Lê Thị Thúy		1989	Cán sự Chi cục Quản lý đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường			Anh văn	
10	Bùi Thị Mỹ		1985	Cán sự Chi cục Bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường			Anh văn	
11	Trần Thị Đóa		1988	Cán sự	Sở Tài chính			Anh văn	
12	Phan Thị Vec Nơ		1980	Cán sự	Sở Tài chính	X		Anh văn	Cao đẳng Tin học
13	Nguyễn Trọng Đông	1987		Cán sự	Sở Tài chính			Anh văn	
14	Nguyễn Thị Thắm		1981	Cán sự	Sở Tài chính			Anh văn	
15	Phạm Nữ Thu Thủy		1980	Cán sự	Sở Tài chính			Anh văn	
16	Y Phúc Byă	1986		Cán sự	Sở Tài chính	X		Anh văn	Trung cấp Tin học

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
17	Nguyễn Thị Nga		1969	Phó Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Trung cấp Tin học
18	Nguyễn Duy Khôi	1978		Cán sự Phòng Quản lý du lịch	Sở Văn Hóa, Thể thao và Du lịch			Anh văn	
19	Đinh Thị Thanh Thủy		1984	Cán sự Phòng Quản lý du lịch	Sở Văn Hóa, Thể thao và Du lịch			Anh văn	
20	Đoàn Thị Ngũ		1968	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Tư pháp			Anh văn	
21	Võ Quốc Oánh	1979		Phó trưởng phòng Quản lý thương mại	Sở Công Thương			Anh văn	
22	Nguyễn Thị Dịu		1987	Cán sự phòng Quản lý thương mại	Sở Công Thương		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
23	Mai Thị Hoa Mai		1982	Cán sự Thanh tra Sở	Sở Công Thương		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
24	Hồ Vũ Tuấn Anh	1989		Cán sự phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	Sở Công thương		X		Chứng chỉ tiếng M'nông
25	H'Wiêr Niê		1981	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
26	Nguyễn Tiến Đàm	1981		Phó Chánh Văn phòng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội			Anh văn	
27	Vũ Trinh Nữ		1981	Cán sự Phòng Giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
28	Vũ Thị Mỹ Phượng		1982	Phó Trưởng phòng Việc làm, An toàn lao động	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
29	Bùi Thị Ngà		1978	Cán sự Phòng BVCSTE&BĐG	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Trung cấp Tin học
30	Tô Văn Dũng	1986		Cán sự Phòng Bảo trợ xã hội	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
31	Lê Thị Ánh Tuyết		1980	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê; Cử nhân Tin học
32	Nguyễn Thị Tuyết		1986	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
33	Dương Thị Ngọc Bích		1987	Cán sự Phòng Kế hoạch Tài chính	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
34	Nguyễn Trung Quý	1984		Phó Trưởng phòng Quản lý chất lượng - Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Trung cấp Tin học
35	Nguyễn Thị Thanh		1983	Cán sự Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
36	Nguyễn Tấn Hổ	1986		Nhân viên Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
37	Nguyễn Thị Thanh Hải		1983	Cán sự Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
38	Lê Thị Mỹ Thành		1982	Cán sự Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
39	H'Ning Hđok		1976	Cán sự Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
40	Phạm Quốc Hưng	1986		Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
41	Huỳnh Thị Thanh Thảo	1987		Cán sự Văn phòng Sở	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Cao đẳng Tin học
42	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1981	Cán sự Chi cục An toàn, vệ sinh thực phẩm	Sở Y tế		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
43	Lê Thị Nguyệt Nga		1983	Cán sự Chi cục An toàn, vệ sinh thực phẩm	Sở Y tế		X		
44	Trần Thị Thu Thủy		1980	Cán sự Chi cục An toàn, vệ sinh thực phẩm	Sở Y tế		X		
45	Trần Thị Kim Loan		1985	Cán sự	Sở Giáo dục và Đào tạo			Anh văn	
46	Trịnh Thị Dung		1988	Cán sự	Sở Giáo dục và Đào tạo		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
47	Lê Phi Hùng	1981		Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
48	Nguyễn Khắc Đạt	1981		Trưởng phòng Quản lý Văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ		X		
49	Trần Thị Ngọc Uyên		1982	Cán sự Phòng Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
50	Nguyễn Thị Thắm		1988	Cán sự Ban Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ			Anh văn	
51	Nguyễn Thị Thanh		1987	Cán sự Chi cục Văn thư - Lưu trữ	Sở Nội vụ		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
52	Nguyễn Hoàng Dưỡng	1967		Phó Trưởng phòng	Sở Thông tin và Truyền thông		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
53	Nguyễn Thị Thúy Hà		1982	Cán sự Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông			Anh văn	
54	Ngô Xuân Hòa	1984		Cán sự	Sở Thông tin và Truyền thông	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Đại học Tin học
55	H'Ler Êban		1975	Phó Trưởng ban	Ban Dân tộc HĐND tỉnh		X		DTTS tại chỗ, Chứng chỉ tiếng Ê đê
56	Đặng Phương An		1984	Cán sự	Văn phòng HĐND tỉnh		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
57	Đoàn Thị Quyên		1975	Cán sự	Văn phòng HĐND tỉnh		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
58	Nguyễn Thị Phượng		1966	Nhân viên Phòng Hành chính Tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh		X		Nữ trên 50 tuổi
59	Trần Nhị	1965		Nhân viên Phòng Quản trị Tài vụ	Văn phòng UBND tỉnh			Anh văn	
60	Nguyễn Thị Hạnh Nhơn		1983	Cán sự Phòng Hành chính Tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh		X		B1 Anh văn
61	Y Glen Byă	1972		Cán sự Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh		X		DTTS tại chỗ
62	H' Lý Niê		1980	Cán sự	Văn phòng UBND tỉnh		X		DTTS tại chỗ
63	Đỗ Đức Vinh	1985		Cán sự Phòng Nghiệp vụ II	Thanh tra tỉnh		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
64	H' Binh Niê		1984	Cán sự Phòng Giám sát, Kiểm tra và Xử lý sau thanh tra	Thanh tra tỉnh		X		Người DTTS

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
65	Dương Thị Thu Huyền		1978	Cán sự Phòng Nghiệp vụ II	Thanh tra tỉnh			Anh văn	
66	Nguyễn Văn Hân	1977		Cán sự Phòng Nghiệp vụ I	Thanh tra tỉnh		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
67	Nguyễn Thị Lan Phương		1982	Cán sự	Ban Dân tộc tỉnh		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
68	Châu Thị Bích Trang		1987	Cán sự phòng Y tế	UBND thành phố Buôn Ma Thuột			Anh văn	
69	H' Wen Kbuôr		1978	Cán sự Đội công tác phát động quần chúng	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
70	H' Rúp Niê		1983	Cán sự Đội công tác phát động quần chúng	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
71	Nguyễn Thị Hoài Thao		1986	Cán sự Văn phòng HĐND&UBND thành phố	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
72	Trần Thị Ánh Hồng		1986	Cán sự Phòng Dân tộc	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
73	Lê Thị Kim Anh		1972	Cán sự Phòng Y tế	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
74	Vũ Thị Nguyệt		1982	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND thành phố Buôn Ma Thuột			Anh văn	
75	H' Pina Mlô		1987	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND thị xã Buôn Hồ		X		DTTS tại chỗ
76	Nguyễn Ngọc Tú	1982		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND thị xã Buôn Hồ	X	X		Cao đẳng Điện tử viễn thông
77	Phạm Thị Thúy		1986	Cán sự Phòng Văn hóa -Thông tin	UBND thị xã Buôn Hồ		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
78	Phan Văn Phúc	1985		Cán sự Phòng Quản lý đô thị thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ			Anh văn	
79	Phạm Bá Minh	1988		Cán sự Phòng Quản lý đô thị thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ			Anh văn	
80	Y Sel Niê	1976		Cán sự Đội công tác 253	UBND thị xã Buôn Hồ		X		Người DTTS

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
81	Hứa Quang Hồng	1968		Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
82	Phan Thị Thanh Thúy		1981	Cán sự Văn phòng HĐND-UBND thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
83	Hồ Thị Kiều		1985	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Pắc		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
84	Nguyễn Xuân Hải	1983		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Pắc	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Trung cấp Tin học
85	Võ Anh Tiến	1975		Cán sự Phòng Y tế	UBND huyện Krông Pắc			Anh văn	Đại học Hành chính
86	Huỳnh Thị Đào		1986	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Krông Pắc			Anh văn	
87	Đỗ Thị Thanh Phương		1988	Cán sự Văn phòng HĐND&UBND	UBND huyện Krông Pắc		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
88	Lê Văn Nam	1987		Cán sự Phòng Kinh tế và hạ tầng	UBND huyện Krông Pắc			Anh văn	
89	Đặng Thị Thương		1976	Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Pắc		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
90	Trần Xuân Nghĩa	1986		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Pắc		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
91	Hồ Trung Dũng	1977		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Pắc			Anh văn	
92	Nguyễn Nhật Vũ	1983		Cán sự phòng Y tế	UBND huyện Krông Pắc		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
93	Nguyễn Thaành Xuân	1986		Cán sự Phòng NNPT&NT	UBND huyện Krông Pắc			Anh văn	
94	Võ Tú Nguyệt		1984	Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Krông Pắc		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
95	H Jeska Knul		1990	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Pắc		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
96	Lê Công Lợi	1982		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
97	Đặng Văn Phong	1987		Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
98	Nguyễn Thị Bích Loan		1986	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
99	Hà Nữ Thanh Nhạn		1988	Cán sự Phòng Y tế	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
100	Nguyễn Thanh Hải	1982		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Cư Kuin			Anh văn	
101	Trần Văn Thục	1970		Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
102	Nguyễn Văn Phúc	1975		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
103	Phạm Thị Thu Thủy		1985	Cán sự Phòng Tư pháp	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
104	Lê Trọng Hải	1981		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin			Anh văn	
105	Võ Xuân Tiên	1978		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
106	Đặng Thị Thủy		1985	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Trung cấp Kế toán tin học
107	Lê Thị Hiền		1982	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
108	Nguyễn Thị Lệ Kiều		1983	Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
109	Đinh Thị Quyên		1987	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
110	Bùi Quốc Huy	1974		Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Cư Kuin			Anh văn	
111	Trần Quốc Toản	1978		Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
112	Đặng Thị Huyền Trang		1986	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
113	Đậu Văn Cường	1989		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Cư Kuin			Anh văn	
114	Đặng Hiệp	1980		Kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Cư Kuin			Anh văn	
115	Lê Sỹ Ngọc Hiền	1982		Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
116	Phạm Trung Cộng	1971		Trưởng Đài Truyền thanh huyện	UBND huyện Cư Kuin		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
117	Nguyễn Văn Hậu	1988		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Mnông
118	Nguyễn Thị Thanh Thảo		1983	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Mnông
119	Phạm Minh Toại		1981	Cán sự Phòng Dân tộc	UBND huyện Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Mnông
120	Nguyễn Văn Vương	1983		Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên Môi trường	UBND huyện Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Mnông
121	Trần Thị Kim Xuyến		1986	Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Mnông
122	Đào Quang Lượng	1974		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Mnông
123	Nguyễn Tuấn Thành	1986		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Lắk			Anh văn	
124	Nguyễn Sỹ Thắng	1969		Cán sự Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Mnông
125	Phạm Văn Thời	1975		Trưởng phòng Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea H'Leo		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
126	Lê Văn Vinh	1979		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea H'Leo		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
127	Vũ Thị Hồng Hải		1984	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea H'Leo		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
128	Phạm Tấn Thành	1988		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea H'Leo	X		Anh văn	Đại học Tin học
129	Bùi Đức Chinh	1974		Phó Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Ea H'Leo			Anh văn	
130	Lê Thị Thu Hiền	1987		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Ea H'Leo		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
131	Hoàng Thị Huế		1982	Cán sự Đội công tác 253	UBND huyện Ea H'Leo		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
132	Lê Thương Tín	1986		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Ea H'Leo	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Đại học Tin học
133	Trần Thanh Hồng	1967		Phó Chủ tịch HĐND huyện	UBND huyện Krông Bông		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
134	Nguyễn Xuân Hiếu	1981		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Bông	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Trung cấp Tin học

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
135	Bùi Trường Thủy	1985		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Krông Bông		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
136	Phạm Tiến Học	1986		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Krông Bông	X		Anh văn	Đại học Tin học
137	Lê Phước Cảnh	1981		Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên - Môi trường	UBND huyện Krông Bông		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
138	Hồ Sỹ Quốc Cường	1989		Cán sự Phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Krông Bông		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
139	Lê Thị Thanh Xuân		1975	Phó Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Krông Bông		X		Người DTTS, CC Tiếng Ê đê
140	Nguyễn Thị Tuyết Lan		1979	Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Krông Bông		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
141	Mai Viết Nghị	1983		Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Krông Bông	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Trung cấp Tin học
142	Phạm Thị Hạt		1981	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Bông		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
143	Lương Thôi	1968		Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	UBND huyện Krông Bông		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
144	Nguyễn Hồng Duy	1983		Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Bông		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
145	Hồ Duy Nam	1983		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Bông			Anh văn	
146	Y Thanh Niê Kđăm	1981		Phó Trưởng phòng Phòng Lao động - Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện Krông Bông		X		Người DTTS
147	Đoàn Thị Mến		1978	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Bông		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
148	Nguyễn Thị Bích Liên		1984	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Bông		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
149	Bạch Thị Thúy Hằng		1987	Công chức Phòng Nội vụ	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
150	Phan Đức Thọ	1973		Phó chánh Thanh tra	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
151	Đỗ Đình Hạ	1982		Công chức Phòng Thanh tra	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
152	Lê Thị Tuấn		1967	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
153	Vũ Thị Hà		1981	Công chức Phòng Kinh tế Hạ tầng	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
154	Lê Việt Dũng	1970		Công chức Phòng Dân tộc	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
155	Ngô Thị Thu Phương		1983	Công chức Phòng Dân tộc	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
156	Võ Thị Tình		1988	Công chức Văn phòng HĐND&UBND	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
157	Nguyễn Thị Thành		1978	Công chức Văn phòng HĐND&UBND	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
158	Nguyễn Thị Thùy		1983	Công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
159	Bạch Thị Biên		1985	Công chức Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
160	Đào Ngọc Hoàng	1985		Công chức Phòng Tài nguyên và Moi trường	UBND huyện M'Đrắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
161	Nguyễn Đức Chiều	1978		Cán sự Phòng Y tế	UBND huyện Ea Súp		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
162	Trần Thị Vân		1989	Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	UBND huyện Ea Súp		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
163	Bùi Thị Đào		1969	Cán sự Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Ea Súp		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
164	Nguyễn Văn Lâm	1976		Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Ea Súp		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
165	Bùi Quốc Khương	1962		Phó ban pháp chế Văn phòng HĐND -UBND huyện	UBND huyện Ea Súp			Anh văn	
166	Trần Thị Kim Loan		1989	Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Ea Súp			Anh văn	
167	Huỳnh Xuân Lắm	1964		Chủ tịch Hội chữ thập đỏ huyện	UBND huyện Ea Súp			Anh văn	
168	Nguyễn Đình Nghi	1973		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea Súp		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
169	Đinh Viễn Dương	1989		Cán sự Phòng Tư pháp	UBND huyện Ea Súp		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
170	Hoàng Khắc Thọ	1980		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Ea Súp			Anh văn	
171	Trần Văn Bình	1987		Cán sự Phòng LĐTB&XH	UBND huyện Ea Súp			Anh văn	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
172	Nguyễn Trung Hiếu	1965		Cán sự Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Ea Súp		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
173	Phạm Thị Thanh		1982	Phó Chánh văn phòng HĐND & UBND huyện	UBND huyện Krông Năng		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
174	Lại Thị Thoa		1968	Phó phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Krông Năng		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
175	Vũ Thị Lan		1982	Cán sự	UBND huyện Krông Năng			Anh văn	
176	Nguyễn Văn Dũng	1982		Cán sự	UBND huyện Krông Năng		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
177	Lê Thành Lộc	1985		Cán sự	UBND huyện Krông Năng	X		Anh văn	Trung cấp toán tin
178	Trần Thị Nhàn	1984		Cán sự Phòng Y tế	UBND huyện Krông Năng			Anh văn	
179	H'Win Niê		1978	Cán sự phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Năng		X		DTTS tại chỗ
180	Đặng Thị Thúy		1971	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Ana			Anh văn	
181	Phạm Thị Thu Hồng		1983	Công chức Thanh tra huyện	UBND huyện Krông Ana		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
182	Tào Thị Hoa		1983	Phó Trưởng phòng Phòng Y tế	UBND huyện Krông Ana		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
183	Nguyễn Đăng Hải	1979		Đội phó Đội công tác PĐQC 253	UBND huyện Krông Ana			Anh văn	
184	Phạm Văn Bường	1980		Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Krông Ana		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
185	Nguyễn Minh Nguyệt	1980		Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Krông Ana		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
186	Nguyễn Đình Hữu	1986		Phó trưởng phòng Tài nguyên Môi trường	UBND huyện Krông Ana		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
187	Nguyễn Thị Tình		1983	Công chức Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Ana		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
188	Lê Ngọc Nhuận	1967		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Cư M'gar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
189	Đinh Tấn Linh	1986		Cán sự Phòng Tài chính và Kế hoạch	UBND huyện Cư M'gar		X	Anh văn	Chứng chỉ tiếng Ê đê

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
190	Nguyễn Thiện Trí	1971		Phó Trưởng phòng Phòng Y tế	UBND huyện Cư M'gar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
191	Nguyễn Thị Tài		1986	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư M'gar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
192	Ngô Điền Phương		1982	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư M'gar			Anh văn	
193	Ung Phạm Kim Huyền		1984	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư M'gar			Anh văn	
194	Trần Tiến Ngọc	1980		Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện	UBND huyện Cư M'gar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
195	Phạm Thị Thanh		1983	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Cư M'gar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
196	Nguyễn Quý Lành	1963		Phó Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	UBND huyện Cư M'gar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
197	Trần Văn Chính	1978		Cán sự Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	UBND huyện Cư M'gar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
198	Trần Phúc Hoàng	1985		Cán sự Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	UBND huyện Cư M'gar			Anh văn	
199	Lê Nữ Hiệp	1986		Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Cư M'gar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
200	Y Mú ÊBan	1978		Cán sự Đội phát động quần chúng huyện	UBND huyện Cư M'gar	X	X		DTTS tại chỗ, Trung cấp Tin học
201	Y Dai Kbuôr	1979		Cán sự Đội phát động quần chúng huyện	UBND huyện Cư M'gar	X	X		DTTS tại chỗ, Trung cấp Tin học
202	Phạm Đình Trung	1975		Cán sự Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Búk	X		Anh văn	Trung cấp Tin học
203	Huỳnh Sơn Long	1982		Cán sự Phòng GD&ĐT	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
204	Ngô Thị Ngọc		1982	Cán sự Phòng GD&ĐT	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
205	Đặng Quảng Ngãi	1979		Cán sự Phòng LĐTB&XH	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
206	Trương Thị Lý		1982	Cán sự Phòng LĐTB&XH	UBND huyện Krông Búk			Anh văn	
207	Nguyễn Tấn Mau	1979		Cán sự Phòng LĐTB&XH	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
208	Phạm Thị Xuân Thao		1987	Cán sự Phòng Y tế	UBND huyện Krông Búk			Anh văn	
209	Bùi Thị Trang Đài		1990	Cán sự Phòng Y Tế	UBND huyện Krông Búk			Anh văn	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
210	Nguyễn Ngọc Đắc	1987		Cán sự VP.HĐND&UBND huyện	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
211	Nguyễn Thị Hiệu		1985	Cán sự VP.HĐND&UBND huyện	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
212	Nguyễn Thị Mộng Thùy		1988	Cán sự VP.HĐND&UBND huyện	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
213	Võ Thị Bích Hiệp		1985	Cán sự VP.HĐND&UBND huyện	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
214	Hoàng Văn Vỹ	1984		Cán sự VP.HĐND&UBND huyện	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
215	Lương Thị Nết		1987	Cán sự Phòng GD&ĐT	UBND huyện Krông Búk			Anh văn	
216	Phạm Thị Thanh Thủy		1984	Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
217	Phạm Mai Hùng	1986		Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
218	Mai Thị Thanh Xuân		1987	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
219	Đinh Phúc Tài	1984		Cán sự Phòng Tài chính- Kế hoạch	UBND huyện Krông Búk			Anh văn	
220	Lê Thị Thu Hương		1985	Cán sự Phòng Tài Chính-Kế hoạch	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
221	Phùng Thị Thùy Dung		1986	Cán sự Phòng NNPT&NT	UBND huyện Krông Búk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
222	Phạm Văn Nam	1971		Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Krông Búk			Anh văn	
223	Y Tuyên Niê	1969		Phó Trưởng phòng Dân tộc	UBND huyện Krông Búk		X		DTTS tại chỗ
224	H' Blanh Knul		1979	Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Buôn Đôn		X		DTTS tại chỗ
225	Trường Đức Nghị	1981		Phó Trưởng phòng Phòng Văn hóa Thông tin	UBND huyện Buôn Đôn	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Trung cấp Tin học
226	Nguyễn Đại Toàn	1977		Cán sự Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	UBND huyện Buôn Đôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
227	Bùi Hồng Thành	1983		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Buôn Đôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
228	Phạm Xuân Hồng	1972		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Buôn Đôn			Anh văn	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
229	Lê Hoàng Anh Tuấn	1982		Phó Trưởng phòng Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện Buôn Đôn	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Cao đẳng Tin học
230	Hồ Thị Hằng	1985		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Buôn Đôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
231	Võ Thị Khôi		1976	Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Buôn Đôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
232	Y Thiu Byă	1978		Phó Trưởng phòng Tư pháp	UBND huyện Buôn Đôn		X		DTTS tại chỗ
233	Lê Minh Chiến	1971		Cán sự Phòng Tư pháp	UBND huyện Buôn Đôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
234	Phạm Thị Sương Mai		1984	Cán sự VP HĐND-UBND	UBND huyện Buôn Đôn	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Trung cấp Tin học
235	Cao Ngọc Duy	1982		Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	UBND huyện Buôn Đôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
236	Vũ Hữu Vinh	1964		Chủ tịch Hội chữ thập đỏ huyện	UBND huyện Buôn Đôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
237	Lê Thị Thục		1986	Công chức Phòng Dân tộc	UBND huyện Buôn Đôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
238	Nguyễn Văn Kiệt	1988		Công chức phòng Lao động TB&XH	UBND huyện Buôn Đôn			Anh văn	
239	Phan Minh Tuấn	1983		Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Buôn Đôn			Anh văn	
240	Hoàng Trọng Hiếu	1975		Phó Trưởng phòng Phòng Văn hóa Thông tin	UBND huyện Buôn Đôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
241	Vũ Bá Quỳnh	1977		Cán sự Phòng Văn hóa Thông tin	UBND huyện Buôn Đôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
242	Lê Tuấn Anh	1982		Cán sự phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Buôn Đôn			Anh văn	
243	Trần Thị Lệ Hằng		1976	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea Kar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
244	Tô Thị Thu Sương		1985	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea Kar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
245	Nguyễn Thị Hằng Nga		1981	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Ea Kar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
246	Vương Nguyên Thạch	1985		Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Ea Kar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
247	Y Khoan Niê	1980		Cán sự Phòng Dân tộc	UBND huyện Ea Kar		X		DTTS tại chỗ

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
248	Nguyễn Thị Thanh Nga		1981	Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Ea Kar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
249	Nguyễn Trọng Tân	1985		Cán sự Văn phòng HĐND &UBND	UBND huyện Ea Kar			Anh văn	
250	Ngô Việt Dũng	1986		Cán sự Phòng Kinh tế hạ tầng	UBND huyện Ea Kar			Anh văn	
251	Y Khuyết Niê	1978		Cán sự Văn phòng HĐND &UBND	UBND huyện Ea Kar		X		DTTS tại chỗ, Chứng chỉ tiếng Ê đê
252	Trần Thị Châu		1970	Nhân viên Văn phòng HĐND &UBND	UBND huyện Ea Kar		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
253	Nguyễn Cao Khôi	1972		Công chức	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk		X		Chứng chỉ tiếng M'nông
	Tổng cộng 253 trường hợp								

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2018

DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC DỰ THI NÂNG NGẠCH LÊN NGẠCH KIỂM SOÁT VIÊN THỊ TRƯỜNG NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Công văn số 10 /CV-HĐTNN ngày 07 3/2019 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2018)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Phan Thị Ánh Tuyết		1981	Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
2	Nguyễn Thu Đông	1978		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
3	Đỗ Thanh Quỳnh	1986		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
4	Nguyễn Văn Tùng	1983		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	X	X		Chứng chỉ tiếng Ê đê, Đại học CNTT
5	Triệu Hoàng Phương	1983		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk			Anh văn	
6	Y Kiơng Ayun	1985		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	X		Anh văn	Trung cấp Tin học
7	Y Mai Mlô	1978		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk			Anh văn	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
8	Trần Sỹ Hùng	1970		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk			Anh văn	
9	Dương Anh Tuấn	1982		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk			Anh văn	
10	Trần Văn Khoa	1970		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
11	Nguyễn Chí Vương	1981		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
12	Nguyễn Công Quân	1983		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
Tổng cộng 12 trường hợp									

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2018

DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC DỰ THI NÂNG NGẠCH LÊN NGẠCH KIỂM LÂM VIÊN NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Công văn số 10 /CV-HĐTNN ngày 07 3/2019 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2018)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Trần Văn Tùng	1984		Phó Đội trưởng Đội KLCĐ&PCCCR số 2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
2	Lê Ngọc Tam	1973		Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện M'Đrắk	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
3	Lê Hưng	1977		Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Ea Súp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
4	Nguyễn Văn Phương	1983		Phó Trạm trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Lắk	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
5	Trịnh Ngọc Trí	1980		Nhân viên Hạt Kiểm lâm thành phố Buôn Ma Thuột	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
6	Trần Đình Thu	1983		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn,Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
7	Bùi Quốc Thắng	1981		Nhân viên Hạt Kiểm lâm TP BMT, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
8	Lê Tân Thạnh	1978		Nhân viên Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
9	Hồ Văn Lành	1982		Nhân viên Đội KLCĐ&PCCCR số 3, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
10	Trần Đức Hoá	1985		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Cư M'gar, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
11	Bùi Xuân Long	1984		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
12	Nguyễn Văn Phước	1972		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
13	Nguyễn Đức Ngọc	1986		Nhân viên Đội KLCĐ&PCCCR số 3, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
14	Triệu Văn Truyền	1988		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Ea Kar, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
15	Y Ký Niê	1979		Nhân viên Hạt Kiểm lâm Ea H'leo	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		DTTS tại chỗ
16	Y Năm Mlô	1983		Nhân viên Đội KLCĐ&PCCCR số 1, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		DTTS tại chỗ
17	Y Zôn Niê	1986		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		DTTS tại chỗ
18	Phan Trọng Nghĩa	1972		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Cư M'gar, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
19	Nguyễn Thanh Tuấn	1981		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Cư M'gar, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
20	Hoàng Quốc Thư	1988		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
21	Lê Thị Lan		1987	Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
22	Mai Gia Quyến	1976		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyệnBuôn Đôn, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Chứng chỉ tiếng Ê đê
23	Châu Văn Lộc	1975		Nhân viên Đội KLCĐ&PCCCR số 2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
24	Nguyễn Văn Quân	1974		Nhân viên Hạt kiểm lâm Buôn Đôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Anh văn	
	Tổng cộng 24 trường hợp								